

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA PHÁC ĐỒ SỬ DỤNG POLYETHYLENE GLYCOL 3350 TRONG ĐIỀU TRỊ TÁO BÓN MẠN TÍNH Ở TRẺ EM TẠI BỆNH VIỆN NHI THANH HOÁ

Trịnh Văn Long¹, Nguyễn Thị Việt Hà²

TÓM TẮT

Táo bón mạn tính chức năng không được điều trị và theo dõi hợp lý, có thể dẫn đến các biến chứng gây ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất và tâm lý cho trẻ em. Polyethylene glycol 3350 (PEG 3350) là thuốc nhuận tràng được khuyến sử dụng điều trị táo bón cho mọi lứa tuổi. **Mục tiêu:** Đánh giá hiệu quả của polyethylene glycol 3350 trong điều trị táo bón mạn tính chức năng ở trẻ em tại bệnh viện Nhi Thanh Hoá. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** nghiên cứu tiến cứu, mô tả loạt ca bệnh trên 74 bệnh nhân được chẩn đoán táo bón mạn tính chức năng theo tiêu chuẩn ROME IV tại bệnh viện Nhi Thanh Hoá. **Kết quả:** Tuổi trung vị của nhóm nghiên cứu là 41 tháng (15 tháng-10 tuổi). Sau điều trị bằng PEG 3350, số lần đại tiện trung bình trong tuần của trẻ và tỉ lệ trẻ đi ngoài phân mềm tăng lên. Các triệu chứng đại tiện phân máu, đau hậu môn, gắng sức khi đại tiện và tư thế giữ phân cải thiện rõ rệt. Hiệu quả điều trị bằng phác đồ sử dụng PEG 3350 tăng dần từ 68,9% sau 1 tháng lên 86,5% và 94,6% sau 2 tháng và 3 tháng, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). **Kết luận:** Phác đồ sử dụng polyethylene glycol 3350 có hiệu quả điều trị cao và an toàn trong điều trị táo bón mạn tính chức năng ở trẻ em.

Từ khóa: Táo bón chức năng, mạn tính, polyethylene glycol 3350, trẻ em

SUMMARY

EVALUATE THE EFFICACY OF POLYETHYLENE GLYCOL 3350 IN TREATMENT OF CHILDHOOD CHRONIC FUNCTIONAL CONSTIPATION AT THE THANH HOA PEDIATRIC HOSPITAL

Chronic functional constipation can lead to complications that affect the physical and psychological development of children. Polyethylene glycol 3350 (PEG 3350) is recommended as a first-line laxative in the treatment of constipation for people of all ages. **Aim:** To evaluate the effectiveness of polyethylene glycol 3350 in the treatment of childhood chronic functional constipation at Thanh Hoa Pediatric Hospital. **Materials and methods:** a prospective study described a case series of 74 patients with chronic functional constipation according to ROME IV criteria at Thanh Hoa Pediatric Hospital. **Results:** The median

age was 41 months (15 months-10 years). Before treatment, solid stools (type 1 and 2 in Bristol classification) and straining to poop were common manifestations, accounting for 70.2% and 83.8%, respectively. After treatment with PEG 3350, the average number of bowel movements per week and the percentage of children with soft stools increased. The symptoms of bloody stools, anal pain, straining to poop and holding in poop improved markedly. The effectiveness of treatment with the regimen using PEG 3350 gradually increased from 68.9% after 1 month to 86.5% and 94.6% after 2 months and 3 months. **Conclusion:** Polyethylene glycol 3350 has highly effective and safe in the treatment of chronic functional constipation in children.

Keywords: Functional constipation, chronic, polyethylene glycol 3350, children

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Táo bón là một bệnh lý tiêu hóa thường gặp ở trẻ em có tỷ lệ mắc từ 0,7% đến 29,6% với 90-95% là do nguyên nhân chức năng [1]. Táo bón kéo dài không được điều trị và theo dõi hợp lý, có thể dẫn đến các biến chứng gây ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất và tâm lý cho trẻ em, tăng chi phí điều trị và chăm sóc y tế cho gia đình và xã hội cũng như ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống của cha mẹ và người chăm sóc trẻ [2]. Polyethylene glycol 3350 (PEG 3350) là thuốc nhuận tràng được chứng minh có hiệu quả, an toàn hơn các thuốc khác; được Hội tiêu hóa, gan mật và dinh dưỡng Bắc Mỹ (NASPGHAN) và Hội tiêu hóa, gan mật và dinh dưỡng Châu Âu (ESPGHAN) khuyến cáo là phác đồ đầu tay trong điều trị táo bón cho mọi lứa tuổi. Trên thế giới đã có rất nhiều nghiên cứu cho thấy tính ưu việt về hiệu quả của PEG 3350 đối với điều trị táo bón trẻ em [3]. Tại Việt Nam, PEG 3350 là sản phẩm mới có từ năm 2019, các nghiên cứu về hiệu quả điều trị và tác dụng không mong muốn của PEG 3350 trên bệnh nhân táo bón chức năng còn chưa nhiều. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm mục tiêu: "Đánh giá hiệu quả của polyethylene glycol 3350 trong điều trị táo bón mạn tính chức năng ở trẻ em tại bệnh viện Nhi Thanh Hoá".

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu. 74 bệnh nhi được chẩn đoán táo bón mạn tính chức năng tại bệnh viện Nhi Thanh Hoá trong thời gian từ

¹Bệnh viện Nhi Thanh Hoá

²Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Việt Hà

Email: vietha@hmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 15.2.2022

Ngày phản biện khoa học: 29.3.2022

Ngày duyệt bài: 13.4.2022

01/12/2020 đến 31/03/2022. Trẻ được chẩn đoán táo bón mạn tính chức năng theo tiêu chuẩn ROME IV [4] khi đáp ứng đủ các tiêu chí sau: Không có nguyên nhân thực thể gây táo bón và có ít nhất 2 trong 6 tiêu chuẩn sau: (1) Đại tiện ≤ 2 lần trong tuần; (2) Tiền sử nhịn đi ngoài hoặc ứ phân quá mức; (3) Tiền sử đại tiện phân cứng hoặc đau khi đại tiện; (4) Có khối phân lớn trong trực tràng; (5) Són phân ít nhất 1 lần trong tuần ở trẻ đã biết tự vệ sinh và (6) Tiền sử đi ngoài khuôn phân kích thước lớn, có thể làm nghẽn bồn cầu. Các triệu chứng kéo dài ít nhất 1 tháng. Trẻ và gia đình đồng ý tham gia nghiên cứu, tuân thủ phác đồ điều trị, đến khám định kỳ theo hẹn.

2. Phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu can thiệp, tiền cứu, không đối chứng. Cỡ mẫu cho nghiên cứu được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện, tất cả bệnh nhân đến khám và điều trị tại bệnh viện Nhi Thanh Hóa đủ tiêu chuẩn chẩn đoán táo bón mạn tính theo ROME IV và đồng ý tham gia nghiên cứu sẽ được lựa chọn.

Các bệnh nhân tham gia nghiên cứu được lấy thông tin, khám lâm sàng và đánh giá tình trạng bệnh ở thời điểm ban đầu (T₀). Bệnh nhân được kê đơn thuốc nhuận tràng PEG3350 với liều phù hợp và được giải thích tầm quan trọng của phương pháp điều trị và sự tuân thủ phác đồ. Cha mẹ/người trực tiếp chăm sóc trẻ được phát một tờ phiếu hướng dẫn cách tính lượng nước trong ngày, lượng xơ trong ngày, biểu đồ Bristol để theo dõi tính chất phân và nhật ký theo dõi số lần đi ngoài trong tuần cho trẻ, các tác dụng không mong muốn thường gặp. Sau đó, bệnh nhân được hẹn khám lại sau 1 tháng (T₁), 2 tháng (T₂), 3 tháng (T₃). Tại mỗi thời điểm trẻ được hỏi bệnh và khám theo bộ câu hỏi đã được thiết kế trước, nộp lại túi thuốc còn lại của đợt điều trị và nhật ký theo dõi diễn biến đi đại tiện, các tác dụng không mong muốn trong giai đoạn điều trị tại nhà. Nếu lượng thuốc còn lại trên 10% thì được tính là không tuân thủ điều trị.

3. Xử lý số liệu. Xử lý số liệu trên phần mềm SPSS 20.0. Các thuật toán thống kê: χ^2 , tính giá trị trung bình, độ lệch, T- test, Chi-square test. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi $p < 0,05$.

4. Đạo đức nghiên cứu. Đề tài nghiên cứu đã được thông qua hội đồng khoa học và y đức Trường Đại học Y Hà Nội và được sự chấp thuận của lãnh đạo Bệnh viện Nhi Thanh Hóa.

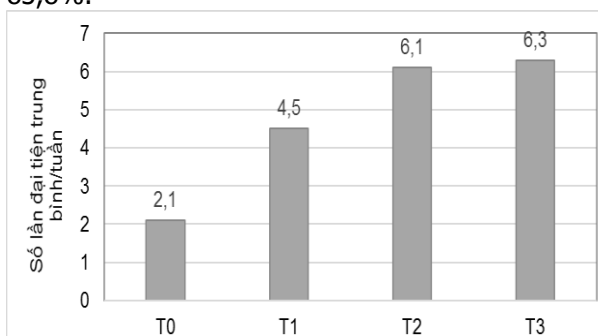
III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trong thời gian nghiên cứu, chúng tôi đã thu thập được 74 trẻ bị táo bón mạn tính chức năng đủ tiêu chuẩn đưa vào nghiên cứu.

Bảng 1. Đặc điểm chung của nhóm trẻ bị táo bón mạn tính chức năng trước điều trị

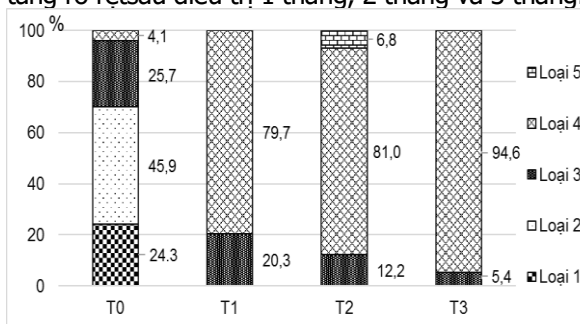
Đặc điểm lâm sàng	Số bệnh nhân (n)	Tỉ lệ (%)
Nhóm tuổi	12-24 tháng	6,1
	25-36 tháng	31,1
	37- 60 tháng	36,5
	≥ 60 tháng	24,3
Giới	Nam	59,5
	Nữ	40,5
Tính chất phân	Loại 1	24,3
	Loại 2	45,9
	Loại 3	25,7
	Loại 4	4,1
Đại tiện phân máu	31	41,9
Đau hậu môn	47	63,5
Tư thế giữ phân	49	66,2
Gắng sức khi đi đại tiện	62	83,8

Nhận xét: Tuổi trung vị của nhóm nghiên cứu là 41 tháng (15 tháng-10 tuổi). Tỷ lệ trẻ trai: trẻ gái là 1,5:1. Phân rắn(loại 1, loại 2 theo phân loại Bristol) và gắng sức khi đi đại tiện là các biểu hiện thường gặp, chiếm tỉ lệ lần lượt là 70,2% và 83,8%.



Biểu đồ 1. Sự thay đổi số lần đại tiện trung bình trong tuần sau điều trị

Nhận xét: Số lần đại tiện trung bình trong tuần tăng rõ rệt sau điều trị 1 tháng, 2 tháng và 3 tháng.



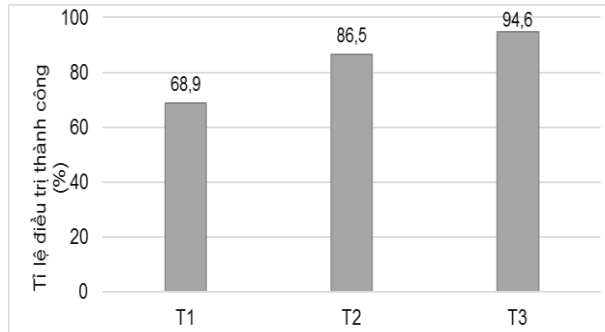
Biểu đồ 2. Thay đổi tính chất phân sau điều trị

Nhận xét: Tỷ lệ trẻ đi ngoài phân mềm tăng rõ rệt sau điều trị 1 tháng, 2 tháng và 3 tháng. Sau 1 tháng không trẻ nào đi ngoài phân rắn loại 1, loại 2.

Bảng 2. Thay đổi triệu chứng lâm sàng khác của trẻ bị táo bón mạn tính chức năng sau điều trị

Triệu chứng	T0		T1		T2		T3	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Đại tiện phân máu	31	41,9	11	14,9	6	8,1	3	4,1
Đau hậu môn	47	63,5	7	9,5	3	4,1	2	2,7
Tư thế giữ phân	49	66,2	7	9,5	3	4,1	2	2,7
Gắng sức khi đi đại tiện	62	83,8	16	21,6	8	10,8	4	5,4

Nhận xét: Các triệu chứng đại tiện phân máu, đau hậu môn, gắng sức khi đại tiện và tư thế giữ phân cải thiện rõ rệt sau điều trị bằng PEG 3350 ở cả 3 thời điểm nghiên cứu ($p < 0,05$, Chi-Square tests).

**Biểu đồ 3. Phân tích hiệu quả điều trị**

Nhận xét: Hiệu quả điều trị được đánh giá dựa trên cả 3 tiêu chí là số lần đại tiện, tính chất phân mềm và cải thiện các triệu chứng lâm sàng khác. Hiệu quả điều trị bằng phác đồ sử dụng PEG 3350 tăng dần từ 68,9% sau 1 tháng điều trị lên 86,5% và 94,6% sau 2 và 3 tháng, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$, Chi-Square tests).

IV. BÀN LUẬN

Trong thời gian nghiên cứu, chúng tôi đã thu thập được 74 trẻ bị táo bón mạn tính chức năng đủ tiêu chuẩn đưa vào nghiên cứu. Tuổi trung vị của trẻ trong nghiên cứu là 41 tháng. Đây là độ tuổi trẻ em có sự thay đổi về chế độ dinh dưỡng, trẻ cai sữa và tăng tỉ lệ thức ăn thô trong khẩu phần ăn. Đồng thời, trẻ bắt đầu đến tuổi đi học mẫu giáo và có các vấn đề về tâm lý ảnh hưởng đến thói quen đại tiện của trẻ trong khi các cơ chế bài xuất phân ở lứa tuổi này chưa hoàn thiện⁵. Trong nghiên cứu của chúng tôi tỉ lệ trẻ trai/trẻ gái là 1,5/1. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Đào Thị Trân Huyền [5].

Kết quả từ biểu đồ 1 cho thấy số lần đại tiện trung bình trong tuần sau điều trị bằng PEG 3350 tăng lên rõ rệt từ 2,1 lần lên 4,5 lần sau một tháng và hiệu quả tiếp tục tăng ở các tháng tiếp theo (6,1 lần sau hai tháng và 6,3 lần sau ba tháng). Kết quả này cho thấy phác đồ điều trị bằng PEG 3350 đạt hiệu quả sớm trong việc cải thiện số lần đại tiện trong tuần và duy trì hiệu quả tốt trong cả quá trình điều trị. Kết quả này

tương đồng với nghiên cứu các tác giả trong và ngoài nước. Một nghiên cứu gần đây của Đào Thị Trân Huyền thực hiện tại bệnh viện Nhi Trung ương năm 2021 với 68 trẻ được điều trị bằng PEG 3350 ghi nhận số lần đại tiện trung bình trong tuần tăng lên từ 2,1 lần lên 6,3 lần, 6,8 lần và 7,1 lần sau một tháng, hai tháng và ba tháng điều trị [5].

Thay đổi tính chất phân là một tiêu chí quan trọng trong đánh giá hiệu quả điều trị táo bón. Tại thời điểm bắt đầu nghiên cứu, dạng phân của trẻ mắc táo bón mạn tính chức năng chủ yếu là loại 1, loại 2 và loại 3, với tỷ lệ tương ứng là 24,3%, 45,9% và 25,7%. Nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận tình trạng phân loại 1 và 2 hết hoàn toàn chỉ sau một tháng dùng PEG 3350. Qua 3 tháng điều trị bằng thuốc nhuận tràng PEG 3350, tính chất phân chuyển dần sang phân mềm (loại 4), 79,7% sau một tháng, 81,0% sau hai tháng và 94,6% sau ba tháng. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Đào Thị Trân Huyền [5] và Dorota Jarzebicka [4].

Ngoài thay đổi số lần đại tiện và tính chất phân, sự cải thiện các triệu chứng đi kèm như đại tiện phân máu, đau hậu môn, gắng sức khi đại tiện và tư thế giữ phân cũng được đánh giá trong nghiên cứu này. Kết quả từ bảng 2 cho thấy tỷ lệ trẻ đại tiện phân máu do phân rắn, đau hậu môn và phải gắng sức nhiều khi đại tiện giảm rõ rệt so với thời điểm trước điều trị. Sau ba tháng điều trị chỉ còn 2,7% trẻ đau hậu môn và có tư thế giữ phân khi đại tiện, 5,4% trẻ gắng sức khi đại tiện và 4,1% trẻ đi ngoài phân máu. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương tự như ghi nhận của một số tác giả trên thế giới. Trong nghiên cứu của Nirmala Dheivamani, nhóm dùng thuốc PEG 3350 tỷ lệ đau khi đại tiện giảm đáng kể, từ 68,8% lúc ban đầu đến khám xuống 43,8% vào cuối tuần đầu tiên điều trị [6].

Kết quả từ biểu đồ 3 cho thấy tỷ lệ bệnh nhân gặp tác dụng không mong muốn khi điều trị bằng PEG 3350 rất thấp, tỉ lệ trẻ có biểu hiện đầy/chướng bụng và buồn nôn lần lượt là 6,8% và 4,1%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho

thấy tỉ lệ tác dụng không mong muốn thấp hơn các nghiên cứu trên thế giới của Dorota Jarzebicka[4] và David Candy [7]. Điều này có thể được giải thích do bệnh nhân trong nghiên cứu của chúng tôi được đánh giá và điều chỉnh liều điều trị PEG 3350 phù hợp ở từng thời điểm.

Hiệu quả điều trị được đánh giá dựa trên đầy đủ các tiêu chí là số lần đại tiện, tính chất phân mềm và cải thiện các triệu chứng lâm sàng khác. Nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận hiệu quả điều trị cao, tăng dần từ 68,9% sau một tháng điều trị lên 86,5% và 94,6% sau hai tháng và ba tháng, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$). Kết quả này tương tự với ghi nhận của Dorota Jarzebicka[6] và David Candy [7]. Trong nghiên cứu của Dorota Jarzebicka[4], hiệu quả đạt được sau 4 tuần điều trị của nhóm dùng PEG 3350 là 100%. Trong khi nghiên cứu của David Candy ghi nhận tỉ lệ thành công là 92% sau 3 tháng theo dõi [7].

V. KẾT LUẬN

Phác đồ sử dụng polyethylene glycol 3350 có hiệu quả điều trị cao và ít dụng không mong muốn trong điều trị táo bón mạn tính chức năng cho trẻ em mọi lứa tuổi.

Lời cảm ơn. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn bệnh nhi và gia đình trẻ đã tham gia và hợp tác tốt trong quá trình nghiên cứu. Xin cảm ơn khoa Tiêu hóa, Bệnh viện Nhi Thanh Hoá tạo điều kiện thuận lợi để nhóm nghiên cứu có thể thu thập số liệu và hoàn thành nghiên cứu.

ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG VÀ CẬN LÂM SÀNG VIÊM TỤY CẤP Ở PHỤ NỮ CÓ THAI

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu với mục tiêu đánh giá đặc điểm lâm sàng, và cận lâm sàng ở bệnh nhân viêm tụy cấp ở bệnh nhân có thai. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu thu nhận 32 bệnh nhân chẩn đoán viêm tụy cấp thời gian nghiên cứu từ 01/2017 tới 1/2020 tại Trung tâm Tiêu hóa - Gan mật bệnh viện Bạch mai. **Kết quả:** Tuổi trung bình khi chẩn đoán bệnh nhóm nghiên cứu là 28 tuổi. Triệu chứng lâm

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Van den Berg MM, Benninga MA, Di Lorenzo C.** Epidemiology of childhood constipation: a systematic review. *The American Journal of Gastroenterology*. 2006; 101(10), 2401–2409
2. **Tabbers MM, DiLorenzo C, Berger MY, et al.** European Society for Pediatric Gastroenterology, Hepatology, and Nutrition; North American Society for Pediatric Gastroenterology. Evaluation and treatment of functional constipation in infants and children: evidence-based recommendations from ESPGHAN and NASPGHAN. *J Pediatr Gastroenterol Nutr*. 2014; 58(2):258–27
3. **Dorota Jarzebicka, Joanna Sieczkowska-Golub, Jaroslaw Kierkus, et al.** PEG 3350 Versus Lactulose for Treatment of Functional Constipation in Children: Randomized Study. *J Pediatr Gastroenterol Nutr*. 2019 Mar;68(3):318-324.
4. **Douglas A. Drossman, Lin Chang, William D. Chey, et al.** Guidelines Rome IV Diagnostic Criteria for Functional Gastrointestinal Disorders. Published in a special 13th issue in *Gastroenterology* (Volume 150, Issue 6, May, 2016)
5. **Đào Thị Trân Huyền, Nguyễn Thị Việt Hà.** Hiệu quả của hai phác đồ sử dụng polyethylene glycol 3350 và lactulose trong điều trị táo bón mạn tính chức năng ở trẻ em dưới 6 tuổi. *Tạp chí nghiên cứu Y học*. 2021; 145(9), 119-128.
6. **Nirmala Dheivamani, Winston Thomas, Rohit Bannerji, et al.** Efficacy of polyethylene glycol 3350 as compared to lactulose in treatment of ROME IV criteria-defined pediatric functional constipation: A randomized controlled trial. *Indian J Gastroenterol*. 2021 Apr;40(2):227-233.
7. **David Candy, Edwards Diane, Geraint Mike, et al.** Treatment of Faecal Impaction with Polyethelene Glycol Plus Electrolytes (PGE + E) Followed by a Double-blind Comparison of PEG + E Versus Lactulose as Maintenance Therapy. *J Pediatr Gastroenterol Nutr*. 2006 Jul;43(1):65-70.

Nguyễn Công Long*, Nguyễn Thanh Nam*

sàng hay gặp nhất là đau bụng và nôn gặp lần lượt là 100% và 37,5%. Bệnh lý đường mật và tăng triglycerid máu là nguyên nhân chính gây viêm tụy cấp với tỷ lệ 43,7% và 21,9%. Viêm tụy cấp ở phụ nữ có thai gặp chủ yếu ở thai kỳ thứ hai và thứ ba với tỷ lệ là 46,9% và 46,9%. **Kết luận:** Nguyên nhân chính gây viêm tụy cấp ở người có thai là bệnh lý sỏi mật, và thường xảy ra vào thai kỳ thứ hai và thứ ba.

Từ khoá: Viêm tụy cấp, phụ nữ có thai

SUMMARY

CLINICAL AND SUB-CLINICAL FEATURES OF ACUTE PANCREATITIS IN PREGNANCY

Objectives: The aim of this study was the evaluation of clinical and subclinical features of acute pancreatitis in pregnancy. **Method:** A total of 32 patients were enrolled with acute pancreatitis in

*Trung tâm tiêu hóa gan mật bệnh viện Bạch mai

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Công Long

Email: nguyenconglongbvb@gmail.com

Ngày nhận bài: 14.2.2022

Ngày phản biện khoa học: 30.3.2022

Ngày duyệt bài: 13.4.2022